TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày 25/11/2019

"V/v buộc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Văn Việt - thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Đạo - kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 về yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng CT; địa chỉ: Số 108 THD, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Chu Thị Bích N- Phó Giám đốc Ngân hàng CT, chi nhánh Hải Dương (theo văn bản ủy quyền số 827 ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1934 và anh Đào Việt H, sinh ngày 03/6/2003; đều trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (đều vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh H: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1934; trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (là bà ngoại anh H) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng CT (viết tắt là V) trình bày:

Ngày 18/11/2015, phòng giao dịch T của V chi nhánh Hải Dương ký hợp đồng tín dụng số 1600328906.01/2015-HĐTD/NHCT340 với bà Phạm Thị H1, sinh năm 1974, trú tại thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nội dung hợp đồng: V cho

bà H1 vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng (từ ngày 18/11/2015 đến ngày 18/11/2018), mục đích vay để bù đắp chi phí xây dựng nhà ở, trong 6 tháng đầu tiên áp dụng mức lãi suất ưu đãi là 8%/năm, thời gian tiếp theo lãi suất là 10,5%/năm, định kỳ trả nợ gốc 03 tháng một lần, mỗi lần trả 58.000.000 đồng, tiền lãi trả hàng tháng. Để đảm bảo cho khoản vay này, bà H1 đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, diện tích 390m^2 tại xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, được UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 397983 mang tên Phạm Thị H1 cùng các tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1600328906.01/HĐTC ngày 18/11/2015. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tứ Kỳ theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định, V đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký cho bà H1 là 700.000.000 đồng vào ngày 18/11/2015.

Quá trình sử dụng tiền vay, trong gần 1 năm đầu tiên, bà H1 đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng, bà H1 đã thanh toán trả nợ cho Ngân hàng được một phần tiền gốc là 174.000.000 đồng và lãi suất đến hết ngày 25/9/2016. Ngày 26/10/2016, bà H1 chết, từ đó đến nay, khoản vay của bà H1 không được ai thanh toán. Như vậy bà H1 còn nợ V khoản tiền gốc là 526.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 26/9/2016 đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 là bà Phạm Thị B và anh Đào Việt H thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc cho Ngân H1ng thay bà H1. Ban đầu những người trong gia đình bà B cùng nhau thỏa thuận đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về mặt thời gian để họ thu xếp thanh toán khoản tiền vay của bà H1 nhưng sau đó những người này không thanh toán. Như vậy bà H1 và những người thừa kế của bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/11/2019), bà Phạm Thị H1 còn nợ V số tiền nợ gốc là 526.000.000 đồng và số tiền lãi của 1155 ngày (từ ngày 26/9/2016 đến 25/11/2019) là 232.850.625 đồng (trong đó lãi suất trong hạn là 177.196.250 đồng và lãi suất quá hạn là 55.654.375 đồng), tổng cộng là 758.850.625 đồng.

V đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị B và anh Đào Việt H là những người thừa kế của bà H1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại và phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi, tổng cộng là 758.850.625 đồng trong phạm vi tài sản bà H1 để lại là quyền sử dụng 390m^2 đất và tài sản gắn liền với đất. Nếu bà B, anh H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì V sẽ đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện phát mại tài sản thế chấp của bà H1 để thi hành nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn là bà Phạm Thị B, anh Đào Việt H và nhiều lần triệu tập bà B, anh H đến

Tòa án giải quyết vụ án nhưng bà B, anh H không nhận văn bản tố tụng, từ chối làm việc với Tòa án và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2019, lãnh đạo UBND xã Đ cùng Phó Công an xã cung cấp: Bà Phạm Thị H1 chết ngày 26/10/2016. Bà H1 không kết hôn và có 01 con trai là Đào Việt H, sinh ngày 03/6/2003 (không xác định được bố của anh H ở đâu). Bố đẻ của bà H1 là ông Phạm Văn Quỳ đã chết, mẹ đẻ là bà Phạm Thị B, sinh năm 1934. Bố mẹ của bà H1 có 06 người con gồm: bà Phạm Thị T1, sinh năm 1960; bà Phạm Thị H, sinh năm 1962; bà Phạm Thị X, sinh năm 1963, ông Phạm Văn B, sinh năm 1965, bà Phạm Thị H, sinh năm 1969 và ông Phạm Văn H, sinh năm 1971 (bà 1, bà X và ông B cư trú tại thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; bà H cư trú tại phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương; bà H sinh sống tại tỉnh Sơn La nhưng không rõ địa chỉ cụ thể; ông H đi làm ăn xa không rõ địa chỉ). Sau khi bà H1 chết, bà B và anh H là người trực tiếp trông nom, quản lý, sử dụng nhà đất của bà H1. Thời gian gần đây, sức khỏe của bà B yếu nên ông B (là con trai trưởng) đã đưa bà B và anh H về nhà mình sống. Nhà đất của bà H1 được bà B cho công nhân thuê để lấy tiền chi tiêu hàng tháng.

Vì bà B đã trên 80 tuổi và anh H chưa đủ 18 tuổi nên Tòa án đã đề nghị các con bà B cử người giám hộ nhưng các con bà đều từ chối làm người giám hộ cho bà B và anh H. Tòa án cũng đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B, anh H, đề nghị UBND xã Đ cử người giám hộ cho những người này nhưng bà B và anh H đều từ chối việc bảo vệ quyền lợi của Trung tâm trợ giúp pháp lý cũng như người giám hộ do UBND xã Đ cử. Ông Phạm Văn B (là con bà B) xác định sau khi bà H1 chết, nH1 đất của bà H1 do bà B và anh H quản lý, sử dụng, việc bà H1 vay nợ Ngân hàng không liên quan đến ông và ông không đồng ý làm việc với Tòa án.

Những người thuê nhà của bà H1 là anh Ven Văn K và chị Moong Thị C trình bày anh chị thuê nhà của bà H1 và trả tiền theo tháng (ở tháng nào trả tiền tháng ấy), anh chị không giữ hợp đồng thuê nhà và cũng không biết ai là người ký hợp đồng, anh chị làm công nhân nên cũng chỉ thuê tạm thời tại nhà bà H1 và chuẩn bị chuyển đi nơi khác. Nếu cơ quan pháp luật phát mại nhà đất để thu hồi nợ thì cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của anh chị và anh chị không có ý kiến đề nghị gì.

Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản mà bà Phạm Thị H1 đã thế chấp là đất và các tài sản trên đất. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2019 thể hiện: Tổng diện tích đất 390m^2, trên đất có 02 ngôi nhà mái bằng (trong đó có 01 ngôi nhà mái bằng 1 tầng cũ diện tích 35,9m^2, 01 nhà mái bằng 1 tầng, trên có lợp mái tôn chống nóng diện tích 108,4m^2); sân gạch đỏ, tường bao

xung quanh đất, cổng và một số cây cối trên đất (gồm 03 cây nhãn, 02 cây hồng xiêm, 01 cây roi, 01 cây bưởi, 01 cây ổi, 01 cây sấu, 01 cây cau, 02 cây mít, 12 cây chuối).

Tại Công văn số 245/CV-VPĐKQSDĐ ngày 20/11/2019, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài Nguyên - Môi trường huyện Tứ Kỳ xác định thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, diện tích 390m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 397983 mang tên chủ sử dụng Phạm Thị H1 ở xã Đ, huyện T cùng tài sản trên đất đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tứ Kỳ ngày 18/11/2015 và đến nay chưa xóa nội dung đăng ký thế chấp.

Toà án cũng tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà B và anh H không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 07/11/2019, bị đơn là bà Phạm Thị B và anh Đào Việt H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX buộc bà B và anh H phải thanh toán trả V tổng số tiền gốc và lãi là 758.850.625 đồng và phải thanh toán lãi suất của số tiền nợ gốc từ ngày 26/11/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản vay. Bà B và anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, xác định quan hệ pháp luật và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CT là đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại trích lục khai sinh của anh Đào Việt H thể hiện họ tên cha của anh H là Đào Quốc Khánh nhưng Tòa án không tiến hành lấy lời khai của ông Khánh để xác định ông Khánh có kết hôn với bà Phạm Thị H1 không là chưa đầy đủ. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự luật định. Về hướng giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ,

toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Phạm Thị B và anh Đào Việt H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Anh Ven Văn K và chị Moong Thị C là những người thuê nhà của bà Phạm Thị H1 nhưng cả anh K và chị C đều xác định anh chị chỉ thuê nhà và trả tiền theo tháng, chuẩn bị chuyển chỗ ở khác, không thuê nhà của bà H1 nữa và không bị ảnh hưởng đến quyền lợi nếu nhà đất bị phát mại để thu hồi nợ nên HĐXX không xác định anh K và chị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Xét hợp đồng tín dụng số 1600328906.01/2015-HĐTD/NHCT340 giữa V và bà Phạm Thị H1: Ngày 18/11/2015, bà Phạm Thị H1 có ký hợp đồng tín dụng số 1600328906.01/2015-HĐTD/NHCT340 với Phòng giao dịch T của V Hải Dương, trong đó V cho bà H1 vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 18/11/2015 đến 18/11/2018, mục đích vay để bù đắp chi phí xây dựng nhà ở, ngoài ra hợp đồng tín dụng còn có các điều khoản khác như lãi suất, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, giữa bên cho vay và bên vay vốn thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại các điều 121, 122, 123 của Bộ luật dân sự năm 2005, các điều 90, 91, 94, 118 Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

[4] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1600328906.01/HĐTC: Để đảm bảo khoản tiền vay trên, ngày 18/11/2015, V và bà H1 đã ký hợp đồng thế chấp số 1600328906.01/HĐTC, trong đó bà H1 thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, diện tích 390m^2 mang tên chủ sử dụng Phạm Thị H1 ở xã Đ, huyện T cùng tài sản trên đất. Hợp đồng thế chấp tài sản trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tứ Kỳ theo đúng quy định của pháp luật. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1600328906.01/HĐTC có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, thể hiện các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/11/2015 gồm: diện tích đất 390m^2 tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất: thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương cùng các tài sản gắn liền với đất là: 02 ngôi nhà mái bằng (trong đó có 01 ngôi nhà mái bằng 1 tầng cũ diện tích 35,9m^2, 01 nhà mái bằng 1 tầng, trên có lợp mái tôn chống nóng diện tích

108,4m^2); sân gạch đỏ, tường bao xung quanh đất, cổng và một số cây cối trên đất (03 cây nhãn, 02 cây hồng xiêm, 01 cây roi, 01 cây bưởi, 01 cây ổi, 01 cây sấu, 01 cây cau, 02 cây mít, 12 cây chuối). Do đó, khi đến thời hạn trả nợ, bên vay vốn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì V được quyền xử lý một phần hoặc toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để bảo đảm thu hồi nợ.

[5] Sau khi ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, V đã giải ngân cho bà H1 toàn bộ số tiền vay là 700.000.000 đồng và bà H1 đã sử dụng tiền vay, đồng thời thực hiện việc trả nợ cho V đúng thỏa thuận như hợp đồng đã ký kết đến ngày 25/9/2016, tức là đến ngày 25/9/2016, bà H1 đã thanh toán trả V số tiền nợ gốc là 174.000.000 đồng và lãi suất tính đến hết ngày 25/9/2016. Ngày 26/10/2016, bà H1 chết. Theo V, từ thời điểm bà H1 chết đến nay, khoản nợ của bà H1 chưa được ai tiếp tục thanh toán trả V. Phía bị đơn là bà Phạm Thị B và anh Đào Việt H cũng không xuất trình bất kỳ tài liệu nào liên quan đến việc thanh toán nợ của bà H1 cho VietinBank. Như vậy, căn cứ vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản ngày 18/11/2019 giữa V và bà Phạm Thị H1, giấy nhận nợ, các giấy tờ tài liệu khác có trong hồ sơ (giấy đề nghị giải ngân bằng tiền mặt, phiếu lĩnh tiền mặt, lệnh chi, biên bản làm việc....) bà Phạm Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng ký ngày 18/11/2015. Do đó, có căn cứ xác định bà Phạm Thị H1 còn nợ V số tiền nợ gốc là 526.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 26/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/11/2019) là 232.850.625 đồng (trong đó lãi suất trong hạn là 177.196.250 đồng và lãi suất quá hạn 55.654.375 đồng), tổng số nợ là 758.850.625 đồng.

[6] Về hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị H1: Bà Phạm Thị H1 chết ngày 26/10/2016, căn cứ vào lý lịch cá nhân của bà Phạm Thị H1 do Công an xã Đ lập, căn cứ biên bản xác minh với lãnh đạo xã Đ và Công an xã Đ cùng các tài liệu khác như giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, biên bản lấy lời khai của người làm chứng (ông Lát), HĐXX xác định được những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị H1 gồm bà Phạm Thị B (là mẹ đẻ bà H1) và anh Đào Việt H (là con ruột của bà H1), ngoài ra không còn người thừa kế nào khác. Vì vậy, bà Phạm Thị B và anh Đào Việt H là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H1.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ cho rằng việc Tòa án không lấy lời khai của ông Đào Quốc Khánh để xác định ông Khánh có kết hôn với bà H1 không là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Tuy nhiên, HĐXX thấy tại trích lục khai sinh của anh Đào Việt H chỉ thể hiện họ tên cha của anh H là Đào Quốc Khánh nhưng không ghi địa chỉ cụ thể của ông Khánh, ngoài ra không còn tài liệu nào thể hiện địa chỉ của ông Khánh; ông Khánh không phải công dân xã Đ và chính quyền địa phương cũng không xác định được ông Khánh là ai, địa chỉ ở đâu nên Tòa án không có căn cứ để tiến hành lấy lời khai của ông Khánh. Mặt khác, tại giấy xác

nhận tình trạng hôn nhân ngày 12/11/2015 của bà Phạm Thị H1 và biên bản xác minh ngày 21/10/2019 tại UBND xã Đ đều thể hiện bà Phạm Thị H1 không đăng ký kết hôn với ông Đào Quốc Khánh và chưa đăng ký kết hôn với ai nên việc lấy lời khai của ông Đào Quốc Khánh để xác định ông Khánh có kết hôn với bà H1 không là không cần thiết.

[8] Về trách nhiệm trả nợ: Bà Phạm Thị H1 là người trực tiếp ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với V để vay tiền. Bà H1 chết và không có căn cứ nào thể hiện việc bà H1 có để lại di chúc, người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 được xác định là bà B và anh H. Hiện tại anh H, bà B là người trực tiếp quản lý toàn bộ tài sản bà H1 thế chấp tại Ngân hàng, anh H và bà B cũng không có ý kiến hay văn bản từ chối quyền thừa kế. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005, những người thừa kế theo pháp luật của bà H1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi tài sản do người chết để lại nên cần buộc bà B và anh H liên đới trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi suất cho V trong phạm vi tài sản mà bà H1 để lại và đang thế chấp tại Ngân hàng gồm 390m^2 đất cùng tài sản trên đất tương ứng với số tiền nợ là 758.850.625 đồng.

[9] Về chi phí thẩm định tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, V đã nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nay V tự nguyện chịu cả số tiền này, không đề nghị bị đơn phải trả lại nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là bà Phạm Thị B là người cao tuổi (trên 80 tuổi), anh Đào Việt H thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm; trả lại tạm ứng án phí dân sự đã nộp cho Ngân hàng CT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 121,122,123,124, 290, 342, 343, 351, 355, 637, 674, 675, 676, 715, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 90, 91, 94, 118 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 26, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CT (V):

1.1. Buộc bà Phạm Thị B và anh Đào Việt H có trách nhiệm liên đới thanh toán trả Ngân hàng CT khoản tiền do bà Phạm Thị H1 còn nợ Ngân hàng là 758.850.625 đồng (bẩy trăm năm mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng), cụ thể bà B và anh H mỗi người phải trả 379.425.312 đồng (ba trăm bẩy mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm mười hai đồng)

trong phạm vi tài sản bà Phạm Thị H1 để lại, đã thế chấp tại Ngân hàng CT theo hợp đồng thế chấp số 1600328906.01/HĐTC ngày 18/11/2015. Bà B và anh H tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1600328906.01/2015-HĐTD/NHCT340 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc trong phạm vi tài sản bà Phạm Thị H1 đã thế chấp.

1.2. Xử lý tài sản bảo đảm: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Phạm Thị B và anh Đào Việt H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng CT thì Ngân hàng CT có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tiến hành phát mại tài sản đã thế chấp gồm: 390m^2 đất tại thửa số 132, tờ bản đồ số 12, địa chỉ xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương, được UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 397983 mang tên Phạm Thị H1, nhà ở và các tài sản trên đất (*Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)*.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng CT phải tự chịu số tiền còn thiếu, nếu thừa thì trả lại cho bà Phạm Thị B và anh Đào Việt H.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị B và anh Đào Việt H. Trả lại Ngân hàng CT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.017.000 đồng (mười sáu triệu không trăm mười bẩy nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005074 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Đ, huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đoàn Thị Hương Nhu